UBND TỈNH BẮC NINH
Sở Giáo Dục và Đào Tạo

Đề kiểm tra năng lực đầu vào lớp 6
Trường THCS trọng điểm năm học 2019-2020
Môn Thành Phần: Tiếng Anh
Thời gian làm bài: 40 phút

Phần A. Trắc Nghiệm(6 điểm)

Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu

Câu 1. The …….day of the week is Monday.
A. first B. second C. third D. fourth

Câu 2. ……..is your classroom, Nam?- It's on the third floor.
A. who B. How C. Which D. Where

Câu 3. I get ……..at 6 every morning, then I go to school.
A. dressed B. dress C. dresses D. a dress

Câu 4. Where did you go …….?
A. tomorrow B. at the moment C. next week D. last night

Câu 5. She likes…….meals for her family at the weekend.
A. cook B. cooking C. cooked D. is cooking

Câu 6. Where do you live? – I live ……34 Le Loi street.
A. on B. at C. in D. to

Câu 7. My father and my mother …… in the living room.
A. am B. is C. are D. isn't

Câu 8. How …….wine can he drink?
A. far B. much C. many D. long

Câu 9. It's more beautiful …….I expected.
A. as B. than C. so D. much

Câu 10.Tom: 'May I help you?'
Peter: '……'
A. Yes, that's very kind of you B. What can I do for you?
C. How can I help? D. I'm afraid I'm busy now.

Câu 11. Ba: …… to his friend's birthday party because he ……ill.
A. doesn't go – is B. won't go – is C. didn't go – was D. didn't go – was

Câu 12. Whose ……..are they?- They are …….
A. ruler-mine B. rulers-my C. ruler-my D. rulers-mine

13. We have a big fish tank in the living room. There are a lot of ……in it.
A. fish B. fishes C. fishing D. fished

Câu 14. My brother is studying at …… university in Hanoi.
A. an B. some C. the D. a

Chọn một từ khác với các từ còn lại

Câu 15. A. doctor B. farmer C. footballer D. cooker

Câu 16. A. always B. never C. after D. usually

LIVEWORKSHEETS

Câu 17. A. Vietnam B. Japan C. Korea D. English

Chọn một từ gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại.

Câu 18. A. house B. cloudy C. four D. about

Câu 19. A. watched B. looked C. called D. hoped

Câu 20. A. books B. roofs C. tables D. hats

Chọn từ hoặc cụm từ được gạch chân cần phải sửa để được câu đúng

Câu 21. There are two picture on the wall.
A B C D

Câu 22. How far do you go swimming? – Twice a week.
A B C D

Câu 23. We will go to the holiday in the country this summer.
A B C D

Câu 24. John is siting in the library now.
A B C D

PHẦN B. TỰ LUẬN (4 ĐIỂM)

I. Hoàn thành câu dựa vào các từ gợi ý.(1,0 điểm)

1. Mai/her parents/go/for a walk/beach/now.

……..

2. It/very hot/here/but/there/many/people/park.

……..

II. Chia động từ trong ngoặc ở thì thích hợp (1,0 điểm)

1. They (live) ……..on the Moon in the future.
2. Minh and his classmates (visit) …….the zoo last Sunday.

III. Đọc đoạn văn sau và điền dấu (V) vào ô đúng (True) hoặc ô sai (False). (1,0 điểm)

My name is Peter. I'm from England. I'm living with another student called John in a flat in Hanoi, where I am taking a Vietnamese course. It's my first time abroad and John is, too. We had known each other for just some months since we entered the class. John is from Canada. We study in the same group. John can speak a little Vietnamese. We go to class in the morning, so in the afternoon we have time to work in groups. John helps me a lot not only in my study but also in my daily life. We often practise speaking Vietnamese and do our homework together. Thanks to his help, I have made big progress in speaking and listening as well. Last week we had a test and I did a really good job. Our papers will be returned tomorrow, and I hope that we will get good marks. I'm very happy to have a friend like John.

LIVEWORKSHEETS

		True	False
1	This is the first time John has been in a foreign country		
2	John, Peter's new friend, is American		
3	Peter can now speak Vietnamese better than John can.		
4	Peter thinks that John is a helpful friend.		

IV. Sắp xếp các từ sau thành câu hoàn chỉnh.(1,0 điểm)

1. would/bread/like/some/buy/to/you/bakery/at/the/?/

……..

2. I/about/hope/the/I/tell/you/more/trip/to/when/I/will/come back/Hanoi/./

……..

-----The End-----

LIVEWORKSHEETS